

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày: 03-7-2020

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Ánh Sửu.

Ông Hoàng Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 và ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2020/TLST-HS, ngày 24 tháng 4 năm 2020 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/ 2020/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Trần Thị H; tên gọi khác: Bé, sinh năm 1988; tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Mậu, sinh năm 1951; con bà: Hoàng Thị Cúc, sinh năm 1955; có chồng: L Minh Tuấn; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2015.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt

2. Họ tên: Phạm Thị Vân A, sinh năm 1985; tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Buôn L B, thị trấn Ea Drăng, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Kế (đã chết); con bà: Đào Thị Lợi (đã chết); có chồng: L Đình Hợp; bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt

3. Họ tên: Lê Thị Thanh T, sinh năm 1984; tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn 6a, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: L Quang Thịnh, sinh năm 1960; con bà: Nguyễn Thị Quýt, sinh năm 1964; có chồng: Nguyễn Minh Tuấn; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt.

4. Họ tên: Hà Thị Thu Th, sinh năm 1989; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn Lộc, sinh năm 1958; con bà: Trần Thị Thuận, sinh năm 1964; có chồng: Đào Duy Lâm; bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2009 và con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt.

5. Họ tên: Đinh Thị L, sinh năm 1978; tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh ThA Nghi, sinh năm 1949; con bà: Đinh Thị Khánh, sinh năm 1959; có chồng: Cao Dương Chiến; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1995 và con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt.

6. Họ tên: Lê Thị M, sinh năm 1987; tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: L Văn ThA, sinh năm 1960; con bà: Nguyễn Thị Tứ, sinh năm 1961; có chồng: Đinh Bá Phùng; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt.

7. Họ tên: Hồ Thị Bạch Tt, sinh năm 1983; tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Văn Thuận (đã chết); con bà: Nguyễn Thị Biên, sinh năm 1963; có chồng: Nguyễn Hồng Oan; bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt.

8. Họ tên: Lê Thị Thanh Ty, sinh năm 1979; tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: L Văn Thế, sinh năm 1954; con bà: L Thị Ca, sinh năm 1963; có chồng: Nguyễn Đình Hải; bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt.

9. Họ tên: Lê Thị Thu P; tên gọi khác: Ly, sinh năm 1983; tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn A Riêng, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: L Hữu Loan, sinh năm 1962; con bà: Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1962; có chồng: L Vĩnh Long; bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2020. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* A L Vĩnh Long, sinh năm 1976; Trú tại: Buôn A Riêng, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- *Những người làm chứng:* Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Chị Lê Thị H, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn 7, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

A Trần Vĩnh Hoài Th, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn 7, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Chị L Vĩnh Diệu Hg, sinh năm 2005; Trú tại: Buôn A Riêng, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 40 ngày 04/02/2020, trong lúc đang ngồi chơi tại quán nước thuộc thôn 6, xã R, huyện E, thì Trần Thị H nảy sinh ý định đánh bài xì lát thắng thua bằng tiền nên rủ Phạm Thị Vân A, Hà Thị Thu Th, Hồ Thị Bạch Tt đến nhà L Thị Thu P ở buôn A Riêng, xã R, huyện E chơi thì tất cả đồng ý. Tại đây, có cháu L Vĩnh Diệu Hương, sinh năm 2005 (là con gái của P), H nói với cháu Hương là cho H, Vân A, Th, Tt đánh bài trong nhà thì cháu Hương đồng ý

rồi cháu Hương đi học. Lúc này, H đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ và lấy 01 chiếc chiếu, 01 cái chăn, 01 cái đĩa đặt tại phòng kho nhà P để đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc H bỏ ra số tiền 2.400.000 đồng, Vân A bỏ ra 1.800.000 đồng, Th bỏ ra 1.400.000 đồng, Tt bỏ ra 900.000 đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Đinh Thị L đến bỏ ra 1.400.000 đồng cùng tham gia đánh bạc; khoảng 16 giờ 20 phút, L Thị ThA T số tiền đến bỏ ra 1.600.000 đồng cùng tham gia đánh bạc; khoảng 17 giờ cùng ngày thì L Thị Thu P đi rẫy về thấy tất cả đang đánh bạc thắng thua bằng tiền trong nhà của mình. Lúc này, H nói với P là cho H, Vân A, Th, Tt, L, T đánh bạc trong nhà của P thì P đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 35 phút có L Thị M đến bỏ ra số tiền 1.250.000 đồng cùng tham gia đánh bạc; khoảng 18 giờ 30 phút thì có L Thị ThA Ty đến bỏ ra 700.000 đồng cùng tham gia đánh bạc. Tất cả thống nhất hình thức đánh bài xì lát được thua bằng tiền như sau: Mỗi người được cầm cái 3 ván, sau khi những người chơi (gọi là con) đã đặt tiền xong, số tiền đặt dao động từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, thì người cầm cái sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân xáo trộn sau đó chia cho những người chơi và người cầm cái theo vị trí thứ tự từng người ngồi, mỗi người được chia 02 quân bài úp xuống chiếu, sau đó những người chơi xem bài của mình và tính điểm, nếu đủ điểm (từ 16 điểm trở Ln) thì không bốc thêm bài, nếu chưa đủ điểm thì phải bốc thêm các quân bài tiếp theo nhưng tối đa không quá ba quân bài (tổng các quân bài không quá năm quân) lần lượt như vậy theo chiều chia bài. Khi tất cả các con đã rút bài xong thì đến lượt người cầm cái xem bài của mình, nếu đủ điểm (từ 15 điểm trở Ln) người cầm cái có thể lật bài của con để so sánh, nếu bài của người cầm cái lớn hơn bài của con thì cái được thắng số tiền mà con đã đặt trước đó, nếu bài của cái nhỏ hơn thì bị thua số tiền bằng với tiền mà con chơi đã đặt. Bài lớn nhỏ được tính như sau: Lớn nhất là xì bàn (hai quân bài có ký hiệu A), lớn thứ hai là xì lát (một quân A và một quân bài khác từ quân 10 đến quân K), lớn thứ ba là ngũ linh (bài có 5 quân mà có điểm nhỏ hơn hoặc bằng 21 điểm), lớn thứ tư là bài có 21 điểm (bài có từ ba đến bốn quân bài cộng lại được 21 điểm), sau đó là bài điểm lớn từ 20 điểm trở xuống đến 16 điểm, bài điểm lớn thắng bài điểm nhỏ. Các quân từ A đến 10 là thứ tự tăng dần từ 1 đến 10 điểm; Các quân J, Q, K được tính là 10 điểm; Riêng quân A có thể tính là 1 điểm, 10 điểm, 11 điểm (bài có hai hoặc ba quân). Người đủ điểm là người có bài từ 16 điểm đến 21 điểm (trên 21 điểm là Oác, dưới 16 điểm là chưa đủ điểm phải bốc thêm bài). Sau khi kết thúc ván bài thì người cầm cái sẽ xáo trộn bài, chia bài và tiếp tục chơi ván tiếp theo. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi tất cả đang sát phạt thắng thua thì bị Công an huyện E phát hiện bắt quả tang Trần Thị H, Phạm Thị Vân A, Hà Thị Thu Th, Hồ Thị Bạch Tt, Đinh Thị L, L Thị Thanh T, L Thị M, L Thị Thanh Ty và L Thị Thu P. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 11.450.000 đồng, 01 bộ bài, 01 chiếc chiếu, 01 cái chăn, 01 cái đĩa; tính đến khi bị bắt quả tang H đang thắng 650.000 đồng, Vân A đang thắng 200.000 đồng, Th đang thua 200.000 đồng, Tt đang thua 100.000 đồng, L đang thua 600.000 đồng, T đang thắng 350.000 đồng, M đang thua 300.000 đồng, Ty đang hòa tiền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã xác định căn phòng mà L Thị Thu P cho các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc thuộc sở

hữu chung của L Thị Thu P và chồng là ông L Vĩnh Long, việc P sử dụng căn phòng để đánh bạc ông Long không biết, nên sung quỹ $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng.

Tại biên bản định giá tài sản số: 248A ngày 03/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản huyện E, kết luận: Căn phòng làm địa điểm đánh bạc có kích thước 7,8 x 4,8 x 2,2m tường xây, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn, trị giá 34.092.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKS, ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố các bị cáo Trần Thị H, Phạm Thị Vân A, L Thị ThA T, Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, L Thị M, Hồ Thị Bạch Tt, L Thị ThA Ty, L Thị Thu P về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đánh giá về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Thị Vân A, L Thị ThA T, Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, L Thị M, Hồ Thị Bạch Tt, L Thị ThA Ty, L Thị Thu P phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Vân A từ 07 đến 09 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo L Thị ThA T từ 07 đến 09 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị Thu Th từ 07 đến 09 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thị L từ 07 đến 09 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo L Thị M từ 07 đến 09 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo L Thị Thu Hương từ 07 đến 09 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị Bạch Tt từ 04 đến 06 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo L Thị ThA Ty từ 04 đến 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã xác định căn phòng mà L Thị Thu P cho các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc thuộc sở hữu chung của L Thị Thu P và chồng là ông L Vĩnh Long, việc P sử dụng căn phòng để đánh bạc ông Long không biết, nên sung quỹ $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng là 17.046.000 đồng. Buộc L Thị Thu P phải nộp số tiền 17.046.000 đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ căn phòng dùng để đánh bạc.

Đối với số tiền 11.450.000 đồng, các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu, 01 cái chăn, 01 cái đĩa và 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị H, Phạm Thị Vân A, Lê Thị Thanh T, Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, Lê Thị M, Hồ Thị Bạch Tt, L Thị ThA Ty, Lê Thị Thu P đều có ý kiến trA luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên là mức hình phạt đề nghị áp dụng với các bị cáo là cao so với hành vi các bị cáo đã phạm tội.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội.

Các bị cáo nói lần sau cùng: Các bị cáo điều xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận: Vào khoảng 21 giờ, ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại buôn A Riêng, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. L Thị Thu P đã có hành vi dùng nhà của mình để cho Trần Thị H, Phạm Thị Vân A, L Thị ThA T, Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, L Thị M, Hồ Thị Bạch Tt và L Thị ThA Ty, đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì lát thắng thua bằng tiền thì bị Công an huyện E bắt quả tang. Tổng số tiền thu giữ vào việc đánh bạc là 11.450.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”.

Như vậy, đã đủ căn cứ để xác định các bị cáo Trần Thị H, Phạm Thị Vân A, L Thị ThA T, Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, L Thị M, Hồ Thị Bạch Tt, L Thị ThA Ty và L Thị Thu P đã phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về mức hình phạt: Hội đồng xét xử nhận thấy là cao so với tính chất, hành vi, mức độ và nhân thân của các bị cáo. Vì các

bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt các bị cáo ở mức hình phạt án treo, cải tạo không giam giữ và phạt tiền cũng đủ sức răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử nhận định: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia hành vi phạm tội với vai trò thực hành. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội vai trò của mỗi bị cáo là khác nhau, nên cần phân hóa hành vi của các bị cáo để khi áp dụng hình phạt cho tương xứng.

Đối với bị cáo Trần Thị H là người tham gia tích cực với số tiền lớn nhất, là người rủ rê các bị cáo khác tham gia hành vi đánh bạc, cũng là người chuẩn bị công cụ phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo còn lại.

Đối với các bị cáo Phạm Thị Vân A là người tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền thấp hơn bị cáo H nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc và thấp hơn bị cáo H.

Đối với các bị cáo L Thị ThA T là người tham gia đánh bạc đến sau, với số tiền thấp hơn bị cáo H và Vân A nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc.

Đối với các bị cáo Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L và L Thị M là người tham gia đánh bạc với số tiền tương đương với nhau nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc Hng bằng nhau.

Đối với các bị cáo Hồ Thị Bạch Tt và L Thị ThA Ty là người tham gia đánh bạc với số tiền gần tương đương với nhau và thấp nhất nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc Hng bằng nhau và thấp hơn bị cáo Th, L, M.

Đối với bị cáo L Thị Thu P tuy không tham gia trực tiếp đánh bạc, tuy nhiên căn nhà nơi các bị cáo đánh bạc nhà của P, bị cáo biết và đồng ý cho các bị cáo đánh bạc nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc Hng bằng với bị cáo Th, L và bị cáo M để có sức răn đe.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo L gia đình bị cáo có công với cách mạng và bị cáo T được tặng giấy khen trong quá trình công tác nên cần áp dụng thêm cho các bị cáo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo H và Vân A, nhận thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thiết nghĩ không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng đối với bị cáo bằng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo tự rèn luyện mình dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa P cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, L Thị M, Hồ Thị Bạch Tt và L Thị ThA Ty áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo tự rèn luyện mình dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa P cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe đối với bị cáo. Đối với bị cáo T cần áp dụng mức phạt tiền cũng đủ răn đe đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã xác định căn phòng mà L Thị Thu P cho các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc thuộc sở hữu chung của L Thị Thu P và chồng là ông L Vĩnh Long, việc P sử dụng căn phòng để các bị cáo đánh bạc ông Long không biết, nên sung quỹ $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng.

Tại biên bản định giá tài sản số: 248A ngày 03/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản huyện E, kết luận: Căn phòng làm địa điểm đánh bạc có kích thước 7,8 x 4,8 x 2,2m tường xây, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn, trị giá 34.092.000 đồng. Buộc L Thị Thu P phải nộp số tiền 17.046.000 đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ căn phòng dùng để đánh bạc.

Đối với số tiền 11.450.000 đồng, các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu, 01 cái chăn, 01 cái đĩa và 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Thị Vân A, Lê Thị Thanh T, Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, Lê Thị M, Hồ Thị Bạch Tt, L Thị Thanh Ty và L Thị Thu P phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H 08 tháng tù (Tám tháng) tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng (Mười sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Vân A 06 tháng tù (Sáu tháng) tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng (Mười hai) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo Hà Thị Thu Th 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Lê Thị Thu P 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Lê Thị M 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Hồ Thị Bạch Tt 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Lê Thị Thanh Ty 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đinh Thị L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thanh T 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*)

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân xã R và Phạm Thị Vân A cho UBND thị trấn Ea Drăng, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở L_n, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trong thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã R nhân được quyết định thi hành bản án và bản sao bản án các bị cáo Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, L Thị M, Hồ Thị Bạch Tt, L Thị ThA Ty và L Thị Thu P được miễn khẩu trừ thu nhập vì gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã xác định căn phòng mà L Thị Thu P cho các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc thuộc sở hữu chung của L Thị Thu P và chồng là ông L Vĩnh Long, việc P sử dụng căn phòng để đánh bạc ông Long không biết, nên sung quỹ $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng. Tại biên bản định giá tài sản số: 248A ngày 03/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản huyện E, kết luận: Căn phòng làm địa điểm đánh bạc có kích thước 7,8 x 4,8 x 2,2m tường xây, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn, trị giá 34.092.000 đồng. Buộc bị cáo L Thị Thu P phải nộp số tiền 17.046.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 11.450.000 đồng, các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu, 01 cái chăn, 01 cái đĩa và 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Thị Vân A, L Thị ThA T, Hà Thị Thu Th, Đinh Thị L, L Thị M, Hồ Thị Bạch Tt, L Thị ThA Ty và L Thị Thu P mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 03/7/2020. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Công an huyện E;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường